

Luật số: /2025/QH15

DỰ THẢO 5

LUẬT
DẪN ĐỘ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Dẫn độ.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước của Việt Nam trong dẫn độ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến dẫn độ giữa Việt Nam với nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dẫn độ* là việc một nước chuyển giao cho nước khác một người có hành vi phạm tội hoặc người bị kết án hình sự đang có mặt trên lãnh thổ nước mình để nước tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người đó.

2. *Người bị yêu cầu dẫn độ* là người có hành vi phạm tội hoặc đã bị kết án hình sự mà pháp luật hình sự của nước yêu cầu dẫn độ và nước được yêu cầu dẫn độ quy định hành vi đó cấu thành tội phạm.

Điều 4. Nguyên tắc dẫn độ

1. Dẫn độ được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về dẫn độ thì việc dẫn độ được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ

1. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại không được trái với nguyên tắc dẫn độ;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện yêu cầu của Việt Nam trong trường hợp tương tự;

c) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác về dẫn độ giữa Việt Nam và nước ngoài theo nguyên tắc có đi có lại.

2. Bộ Công an căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan trước khi quyết định.

Điều 6. Các trường hợp có thể bị dẫn độ

1. Người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài quy định hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị Tòa án của nước yêu cầu xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người đó còn lại ít nhất 06 tháng.

2. Hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này không nhất thiết phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh, các yếu tố cấu thành tội phạm không nhất thiết phải giống nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

3. Trường hợp nước ngoài yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều hành vi phạm tội, trong đó mỗi hành vi cấu thành một tội phạm theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài và có ít nhất một hành vi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này thì Việt Nam có thể đồng ý dẫn độ đối với tất cả các hành vi đó. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu, Bộ Công an đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đồng ý dẫn độ với các trường hợp tương tự.

4. Trường hợp hành vi phạm tội của người được quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra ngoài lãnh thổ của Việt Nam thì việc dẫn độ người đó có thể được thực hiện nếu pháp luật Việt Nam quy định hành vi đó là hành vi phạm tội.

Điều 7. Hình thức văn bản và cách thức chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ

1. Yêu cầu dẫn độ được lập bằng văn bản.
2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ được chuyển qua kênh ngoại giao hoặc Cơ quan trung ương về dẫn độ.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngôn ngữ trong dẫn độ

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về dẫn độ thì ngôn ngữ trong dẫn độ là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.
2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về dẫn độ thì hồ sơ yêu cầu dẫn độ được dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu dẫn độ hoặc dịch ra một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu dẫn độ chấp nhận.
3. Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 9. Hợp pháp hóa lãnh sự

Yêu cầu dẫn độ và tài liệu kèm theo được miễn hợp pháp hóa lãnh sự nếu được ký và đóng dấu bởi cơ quan và người có thẩm quyền, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 10. Chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp Việt Nam là nước yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người bị dẫn độ; trường hợp Việt Nam là nước được yêu cầu dẫn độ, Việt Nam chi trả các chi phí phát sinh đến thời điểm bàn giao người bị yêu cầu dẫn độ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
2. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm công tác dẫn độ

Kinh phí cho công tác dẫn độ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Dẫn độ có điều kiện

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể chấp nhận một phần hoặc toàn bộ điều kiện này.

2. Trường hợp nước ngoài phải thực hiện một hoặc một số điều kiện để Việt Nam đồng ý dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp nhận các điều kiện này.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 13. Thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:

a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự.

b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 14. Không truy cứu trách nhiệm hình sự, không thi hành án đối với người bị dẫn độ ngoài tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; không dẫn độ cho nước thứ ba

1. Người bị dẫn độ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không phải thi hành án tại nước yêu cầu dẫn độ vì một tội khác với tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ được thực hiện trước khi bị dẫn độ hoặc không bị dẫn độ cho nước thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nước được yêu cầu đã đồng ý trước đó bằng văn bản. Nước được yêu cầu có thể đề nghị gửi các tài liệu và thông tin quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 của Luật này.

b) Người bị dẫn độ đã không rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi. Thời hạn này sẽ không bao gồm thời gian mà người đó không thể ra khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ vì những lý do bất khả kháng.

c) Người bị dẫn độ đã tự nguyện quay trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của nước yêu cầu dẫn độ.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 15. Quá cảnh người bị dẫn độ

1. Việc quá cảnh người bị dẫn độ qua lãnh thổ Việt Nam phải được thông báo trước bằng văn bản đến Bộ Công an.

2. Nước đề nghị quá cảnh người bị dẫn độ chịu trách nhiệm quản lý người đó trong thời gian quá cảnh Việt Nam, chịu mọi chi phí quá cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trường hợp Việt Nam đề nghị nước ngoài cho phép quá cảnh người bị dẫn độ thì Bộ Công an liên hệ với nước ngoài để thực hiện các thủ tục xin phép quá cảnh người bị dẫn độ.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 16. Cơ quan trung ương về dẫn độ

1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương về dẫn độ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan trung ương về dẫn độ của Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, lập, gửi và tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xem xét, giải quyết yêu cầu dẫn độ của Việt Nam và của nước ngoài.

Điều 17. Quản lý nhà nước về dẫn độ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dẫn độ.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

3. Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an quản lý nhà nước về dẫn độ.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ về dẫn độ được quy định trong Luật này; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dẫn độ.

Chương II

DẪN ĐỘ TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 18. Cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ

1. Cơ quan trung ương về dẫn độ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền lập yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để thi hành án.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 của Điều này.

Điều 19. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài

1. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản yêu cầu dẫn độ;

b) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 21 hoặc Điều 22 của Luật này.

2. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài được lập thành 03 bộ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Điều 8 của Luật này.

Điều 20. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài

1. Văn bản yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm lập văn bản yêu cầu dẫn độ;

b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan lập yêu cầu dẫn độ;

c) Tên cơ quan được yêu cầu dẫn độ;

d) Mục đích của yêu cầu dẫn độ;

đ) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu dẫn độ;

g) Căn cứ pháp lý khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đưa vụ án ra xét xử;

h) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu dẫn độ;

i) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu dẫn độ và khung hình phạt dự kiến áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án; nội dung điều luật về tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;

k) Các đề nghị của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;

l) Các cam kết của Việt Nam đối với nước được yêu cầu dẫn độ;

m) Các thông tin cần thiết khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:

a) Ảnh khuôn mặt của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Tài liệu xác định nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

c) Quyết định hoặc lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có thẩm quyền khác;

d) Tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ;

đ) Nội dung điều luật liên quan đến khởi tố vụ án, khởi tố bị can và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Các tài liệu khác, nếu có.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài

1. Các tài liệu kèm theo văn bản yêu cầu dẫn độ để thi hành án của Việt Nam gửi đi nước ngoài gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu sau đây:

a) Các tài liệu được quy định từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật này;

b) Bản án đã tuyên đối với người bị yêu cầu dẫn độ;

c) Văn bản thông báo về thời gian còn lại người bị yêu cầu dẫn độ phải thi hành án;

d) Nội dung điều luật liên quan đến việc đưa vụ án ra xét xử và các điều luật khác làm rõ yêu cầu dẫn độ để thi hành án;

đ) Các tài liệu khác, nếu có.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Tiếp nhận, kiểm tra, chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ và bổ sung thông tin, tài liệu

1. Cơ quan lập yêu cầu dẫn độ được quy định tại Điều 18 của Luật này có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu dẫn độ đến Bộ Công an để kiểm tra tính hợp lệ, trừ trường hợp cơ quan lập yêu cầu dẫn độ là Cơ quan Trung ương về dẫn độ.

2. Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho nước ngoài.

3. Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ, cơ quan lập yêu cầu dẫn độ bổ sung thông tin, tài liệu để trả lời nước ngoài thông qua Bộ Công an, trừ khi có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 24. Tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam

1. Sau khi nhận được quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Bộ Công an thành lập đoàn tiếp nhận, áp giải người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam.

2. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 25. Xử lý trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ của Việt Nam

1. Trường hợp nước ngoài từ chối yêu cầu dẫn độ để truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu dẫn độ lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị chuyển hồ sơ vụ án cho nước ngoài để tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết Điều này.

Chương III

DẪN ĐỘ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam

Hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam phải đáp ứng quy định tại các điều 7, 8, 9, 19, 20, 21, 22 của Luật này.

Điều 27. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam và xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Bộ Công an vào sổ hồ sơ dẫn độ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo các điều kiện quy định tại Điều 26 của Luật này. Cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành xác minh địa điểm của người bị yêu cầu dẫn độ tại Việt Nam.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài không hợp lệ, Bộ Công an trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do. Trường hợp cần phải làm rõ hoặc bổ sung thông tin, tài liệu, Bộ Công an yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài bổ sung trong thời hạn 60 ngày. Sau thời hạn này mà không nhận được thông tin, tài liệu bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước ngoài và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ yêu cầu dẫn độ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực nơi người bị yêu cầu dẫn độ đang cư trú, đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang ở trong cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ để xem xét, quyết định, đồng thời chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực để kiểm soát theo quy định.

Điều 28. Thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ do Bộ Công an chuyển đến, Tòa án nhân dân khu vực phải thụ lý và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Tòa án nhân dân khu vực có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài làm rõ thông tin, bổ sung tài liệu trong hồ sơ yêu cầu dẫn độ. Việc trao đổi với nước ngoài được thực hiện thông qua Bộ Công an.

3. Trên cơ sở ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an có thể đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xóa sổ quyết định thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ.

Điều 29. Quyết định dẫn độ cho nước ngoài

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật này;

b) Quyết định đình chỉ việc xem xét yêu cầu dẫn độ và trả hồ sơ cho Bộ Công an trong trường hợp không thuộc thẩm quyền hoặc bên nước ngoài rút yêu cầu dẫn độ hoặc người bị yêu cầu dẫn độ đã rời khỏi Việt Nam hoặc vì lý do khác mà việc xem xét không thể tiến hành được.

2. Tòa án nhân dân khu vực mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

3. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ do 01 thẩm phán tiến hành và có sự tham gia của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ làm việc theo trình tự sau đây:

a) Thẩm phán chủ tọa Phiên họp trình bày nội dung hồ sơ của nước yêu cầu dẫn độ và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc dẫn độ;

b) Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về việc dẫn độ;

c) Luật sư hoặc người đại diện hợp pháp của người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến, nếu có;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ trình bày ý kiến;

đ) Thẩm phán chủ tọa Phiên họp quyết định việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ.

4. Trên cơ sở kết quả Phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, Tòa án nhân dân khu vực ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định dẫn độ;

b) Quyết định từ chối dẫn độ và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân khu vực gửi quyết định đó cho người bị yêu cầu dẫn độ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Kháng cáo, kháng nghị, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ

1. Người bị yêu cầu dẫn độ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực ra quyết định. Tòa án nhân dân khu vực phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dẫn độ và kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp tỉnh mở phiên họp xem xét, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực bị kháng cáo, kháng nghị. Thẩm phán chủ tọa Phiên họp xem xét phúc thẩm quyết định về việc dẫn độ hoặc từ chối dẫn độ. Trình tự, thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân khu vực được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này.

3. Quyết định dẫn độ hoặc Quyết định từ chối dẫn độ có hiệu lực pháp luật bao gồm:

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm.

4. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 370 và 397 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 31. Xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Trường hợp Bộ Công an nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với cùng một người, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định đáp ứng yêu cầu dẫn độ cho một trong các nước yêu cầu dẫn độ và chuyển 01 bộ hồ sơ yêu cầu dẫn độ đó cho Tòa án nhân dân khu vực và Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền xem xét, quyết định dẫn độ.

2. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài các quy định của pháp luật, còn phải xem xét các yếu tố liên quan sau đây:

a) Quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng của người bị yêu cầu dẫn độ;

b) Tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ;

- c) Thời gian và địa điểm thực hiện tội phạm;
- d) Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ;
- đ) Mức độ nghiêm trọng của tội phạm;
- e) Quốc tịch của người bị hại;
- g) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ;
- h) Ngày đưa ra yêu cầu dẫn độ;
- i) Các yếu tố khác có liên quan.

3. Trường hợp yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người mà yêu cầu dẫn độ sau được gửi đến khi Tòa án nhân dân khu vực đã thụ lý yêu cầu dẫn độ trước thì Bộ Công an đề nghị Tòa án nhân dân khu vực đó xóa sổ quyết định đã thụ lý theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật này và trả lại hồ sơ yêu cầu dẫn độ đã thụ lý cho Bộ Công an để tiếp tục xem xét, quyết định.

4. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 32. Các biện pháp ngăn chặn để dẫn độ

Để đảm bảo thực hiện yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện khi nước ngoài chuyển hồ sơ yêu cầu dẫn độ chính thức đến Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này.

Điều 33. Trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì thực hiện theo quy định tại Điều 113 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu nước yêu cầu cung cấp đủ thông tin và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Văn bản yêu cầu bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ gồm các nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm lập yêu cầu;
- b) Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của cơ quan yêu cầu;
- c) Lý do và mục đích của yêu cầu;
- d) Thông tin về nhân thân, nơi cư trú của người bị yêu cầu;

- đ) Thông tin về tội danh bị nêu trong yêu cầu và khung hình phạt áp dụng đối với người bị yêu cầu hoặc thời gian còn lại người bị yêu cầu phải thi hành án;
- e) Tóm tắt nội dung vụ án là căn cứ đưa ra yêu cầu;
- g) Thông tin về quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành đối với người bị yêu cầu;
- h) Cam kết gửi yêu cầu dẫn độ chính thức sau đó;
- i) Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên;
- k) Cam kết bồi thường thiệt hại trong trường hợp có oan, sai đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ.

3. Trường hợp nước yêu cầu chưa ký kết điều ước quốc tế về dẫn độ với Việt Nam thì trình tự, thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp để dẫn độ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 34. Dẫn độ đơn giản

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đồng ý bằng văn bản với việc bị dẫn độ về nước ngoài thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp xem xét áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản.

2. Trình tự, thủ tục áp dụng thủ tục dẫn độ đơn giản được thực hiện như sau:

- a) Tòa án nhân dân thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.
- b) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan có thẩm quyền xác minh sự đồng ý bị dẫn độ một cách tự nguyện với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý của việc bị dẫn độ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn đồng ý bị dẫn độ của người bị yêu cầu dẫn độ.

c) Tòa án nhân dân phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân mở phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xác nhận xong sự đồng ý bị dẫn độ mà không phải ra quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

Điều 35. Thi hành quyết định dẫn độ

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định dẫn độ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ. Quyết định thi hành quyết định dẫn độ phải được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, người bị dẫn độ, Bộ

Công an và cơ quan ngoại giao của Việt Nam đề thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước yêu cầu dẫn độ.

2. Sau khi nhận được quyết định thi hành quyết định dẫn độ, cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành bắt người bị dẫn độ theo quy định tại Điều 113 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bộ Công an tổ chức thi hành quyết định dẫn độ và thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ.

Điều 36. Chuyển giao người bị dẫn độ

1. Cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức việc áp giải người bị dẫn độ theo thời gian, địa điểm chuyển giao đã thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài. Việc áp giải người bị dẫn độ thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Thời hạn chuyển giao người bị dẫn độ không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực. Trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng, Bộ Công an và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trao đổi, thống nhất lại thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ.

3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà phía nước ngoài không tiếp nhận người bị dẫn độ thì Bộ Công an kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ hủy quyết định này, trả tự do cho người bị dẫn độ và thông báo cho nước ngoài. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ kiến nghị thẩm phán đã ra quyết định dẫn độ hủy quyết định dẫn độ.

4. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 37. Chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật và tài sản

Trường hợp cần phải chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến người bị dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ thì Bộ Công an chuyển giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó cho nước yêu cầu dẫn độ tại thời điểm bàn giao người bị dẫn độ hoặc vào thời điểm khác theo thỏa thuận với nước yêu cầu dẫn độ. Đối với những chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản không thể chuyển giao mà buộc phải tiêu hủy thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và đề nghị cơ quan bảo quản chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tài sản đó tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 38. Hoãn dẫn độ và tiếp tục thi hành quyết định dẫn độ

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ Việt Nam về tội không phải là tội bị yêu cầu dẫn độ thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền đang thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn

độ hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định dẫn độ ra quyết định hoãn việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong toàn bộ hoặc một phần hình phạt mà Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã tuyên. Bộ Công an thông báo bằng văn bản cho nước yêu cầu dẫn độ về việc hoãn dẫn độ chậm nhất là 10 ngày trước ngày hết thời hạn hoãn việc thi hành quyết định dẫn độ.

2. Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn thi hành quyết định dẫn độ phải ra quyết định thi hành quyết định dẫn độ và gửi quyết định cùng tài liệu, hồ sơ liên quan cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ và tiếp tục thi hành việc dẫn độ theo thoả thuận cụ thể với nước yêu cầu dẫn độ. Trình tự, thủ tục tiếp tục tiến hành việc dẫn độ được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36, 37 của Luật này.

Điều 39. Dẫn độ tạm thời

1. Trường hợp việc hoãn xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc hoãn thi hành quyết định dẫn độ quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này cản trở việc truy cứu trách nhiệm hình sự ở nước ngoài do hết thời hiệu hoặc gây khó khăn nghiêm trọng cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội bị yêu cầu dẫn độ thì theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an và theo đề nghị của nước yêu cầu dẫn độ, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đang thụ lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ có thể ra quyết định dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu dẫn độ cho nước yêu cầu dẫn độ.

2. Người bị dẫn độ tạm thời phải được trả lại ngay cho Việt Nam sau khi quá trình tố tụng hình sự tại nước yêu cầu dẫn độ kết thúc hoặc hết thời hạn yêu cầu dẫn độ tạm thời mà Việt Nam và nước ngoài đã thoả thuận.

3. Khi có yêu cầu dẫn độ mới của nước yêu cầu, việc giải quyết yêu cầu dẫn độ mới được thực hiện theo quy định của Luật này.

Điều 40. Dẫn độ lại

Trường hợp người đã bị dẫn độ trốn tránh việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án ở nước ngoài và quay trở lại Việt Nam thì nước yêu cầu dẫn độ có thể đưa ra yêu cầu dẫn độ lại người đó kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 26 của Luật này. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân có thẩm quyền không tiến hành lại thủ tục quyết định dẫn độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã quyết định dẫn độ trước đây quyết định dẫn độ lại đối với người đó. Việc thi hành quyết định dẫn độ lại được thực hiện theo quy định tại các điều 35, 36, 37 của Luật này.

Điều 41. Từ chối dẫn độ cho nước ngoài

1. Tòa án nhân dân có thẩm quyền phải từ chối dẫn độ cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị yêu cầu dẫn độ không đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật này;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam;

c) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị Tòa án của Việt Nam kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc được tuyên không có tội hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc được miễn thi hành hình phạt về hành vi phạm tội được nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc vụ án đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng bị truy bức, tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở nước yêu cầu dẫn độ;

e) Yêu cầu dẫn độ được đưa ra vì lý do chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị của người bị yêu cầu dẫn độ hoặc vì lý do này mà người đó có thể bị đối xử không công bằng trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành bản án đối với người đó.

2. Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam có thể từ chối dẫn độ cho nước ngoài nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tội phạm bị nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm liên quan đến chính trị hoặc liên quan đến quân đội;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Việt Nam.

3. Tòa án nhân dân có thẩm quyền từ chối dẫn độ theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này gửi quyết định từ chối dẫn độ cho Bộ Công an để thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

4. Trường hợp có căn cứ chắc chắn người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ được quy định tại khoản 1 Điều này thì Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

5. Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 42. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài

1. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu nước ngoài có yêu cầu, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ công dân Việt Nam cho nước ngoài để thi hành án, nếu nước ngoài có yêu cầu, Tòa án nhân dân có thẩm quyền đã ra quyết định từ chối dẫn độ có thể xem xét yêu cầu của nước ngoài công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của tòa án nước ngoài theo quy định tại Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, Luật Thi hành án hình sự.

Điều 43. Xử lý trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài trong các trường hợp khác

Trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ cho nước ngoài những người không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này, trên cơ sở đề nghị của nước ngoài, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể xem xét áp dụng thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.
2. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này.

Điều 45. Quy định chuyển tiếp

Các yêu cầu dẫn độ được lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 20....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn